

Bản án số: 17/2026/HS-ST
Ngày 29/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lô Thị Huyền. Nghề nghiệp: Giáo viên

Ông Cụt Xuân Ninh. Nghề nghiệp: Hưu Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Phương Thảo- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 13/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn T, tên gọi khác: Không, căn cước công dân 040202021804, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2002, tại xã H, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Quang P, xã T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn M và con bà Lương Thị N; Vợ: Chưa có; Con: Sống chung như vợ chồng với chị La Thị H có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2025 cho đến ngày 17/4/2026 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Vi Thị H1, sinh năm 2011. Trú tại: Bản P, xã T, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Vi Văn H2, sinh năm 1981. Trú tại: Bản P, xã T, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Lê Công T1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh N. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người làm công tác xã hội:* Bà Lương Thị T2, sinh năm 1984 - Chuyên viên Phòng Văn hóa - Xã hội, Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua qua mạng xã hội Facebook từ tháng 2/2025, Đặng Văn T và cháu Vi Thị H1, sinh ngày 02/8/2011, trú tại bản Phòng, xã T, tỉnh Nghệ An quen biết với nhau rồi nảy sinh tình cảm yêu đương nam nữ. Sau đó, T và cháu H1 đã 02 lần quan hệ tình dục vào ngày 22/4/2025 và 01 lần vào tháng 6/2025 nhưng không nhớ ngày. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 22/4/2025, T gọi cho cháu H1 thông qua ứng dụng M1 rủ cháu H1 đi chơi, cháu H1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy đón cháu H1 từ bản Phòng, xã T, tỉnh Nghệ An lên đến bản Hòm, xã H, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả hai đến nơi ở của mẹ T (là bà Lương Thị N, sinh năm 1977 nhưng bà N không có ở nhà) tại bản Hòm, xã H. Tại đây, T đưa cháu H1 vào giường ngồi chơi. Được một lúc, T dùng tay cởi quần dài và quần lót của cháu H1 còn áo phông ngấn tay màu đen, không cổ của cháu H1 thì T không cởi. Tiếp đến, T tự cởi quần dài và quần lót của T ra còn áo phông màu đen ngấn tay, không cổ của T không cởi. Khi dương vật cương cứng thì T đeo bao cao su vào. Lúc này, cháu H1 nằm ngửa người còn T ở phía trên theo hướng đối diện. Sau đó, T cho dương vật vào trong âm đạo của cháu H1 để thực hiện hành vi giao cấu được khoảng 05 phút thì rút dương vật ra.

Lần thứ hai: Sau đó, Đặng Văn T và Cháu H1 tiếp tục vào trong nhà tắm ngay gần đó tiếp tục quan hệ. Tại đây, T có đưa điện thoại và đặt vị trí giỏ treo đồ trong nhà tắm để quay video làm kỷ niệm. Cả hai quan hệ tình dục theo tư thế đứng, T đứng ngay sau lưng của cháu H1. Cháu H1 cúi người xuống. Tiếp đến, T cho dương vật đang cương cứng vào trong âm đạo của cháu H1 để thực hiện hành vi giao cấu. Khoảng 5 phút sau, T xuất tinh vào trong bao cao su. Hai lần quan hệ tình dục cháu H1 đều tự nguyện không có phản kháng gì. Quan hệ xong, cả hai vào mặc lại quần và nằm ngủ tại giường. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày hôm sau, T điều khiển xe máy chở cháu H1 về nhà.

Lần thứ 3: Vào khoảng 20 giờ không rõ ngày tháng 6/2025, T tiếp tục gọi điện qua ứng dụng Messenger cho cháu H1 để rủ đi chơi, cháu H1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe máy đi từ nhà tại bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An lên đến cổng chào bản Phòng, xã T, tỉnh Nghệ An để đón Cháu H1. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T và cháu H1 quay về nhà T. T đưa cháu H1 vào trong phòng riêng của T.

Tại đây, T đã cởi quần dài và quần lót của cháu H1 còn áo phong màu trắng, ngắn tay, không có cổ của cháu H1 thì T không cởi. Tiếp đến, T tự cởi hết quần dài, quần lót và áo của T ra. Khi dương vật của T cương cứng, T xé bao cao su và đeo vào. Sau đó, cháu H1 nằm ngửa, T ở phía trên theo hướng đối diện và T cho dương vật đang cương cứng vào trong âm đạo để thực hiện hành vi giao cấu. Khoảng vài phút sau, cả hai đổi tư thế, cháu H1 quỳ hai chân xuống giường, hơi khom lưng. Thông ở phía sau, hai chân quỳ gối. Thông bắt đầu đưa dương vật đang cương cứng của T vào âm đạo của cháu H1 và thực hiện hành vi giao cấu. Quá trình này T có dùng tay cầm điện thoại để quay video. Được khoảng 5,6 phút sau thì T xuất tinh vào trong bao cao su. Quá trình quan hệ cháu H1 tự nguyện và không có phản kháng. Quan hệ cả hai mặc quần áo rồi T điều khiển xe máy chở cháu H1 về tới cổng chào bản Phòng, xã T, tỉnh Nghệ An.

Sau khi biết hành vi giao cấu đối với cháu Vi Thị H1 của Đặng Văn T, ngày 18/11/2025, gia đình đã làm đơn tố cáo gửi cơ quan chức năng.

Ngày 24/12/2025, Đặng Văn T cũng đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 52/KLTDTE/TTPY ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh N. Kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- Màng trinh hình viên, có vết rách cũ tại vị trí 09 giờ.
- Hiện tại không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo của Vi Thị H1 .

2. Kết luận:

- Trên cơ thể Vi Thị H1 hiện tại không có dấu vết tổn thương.
- Màng trinh hình viên, có vết rách cũ tại vị trí 09 giờ.
- Bộ phận sinh dục khác hiện tại không có dấu vết tổn thương.
- Hiện tại không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo của Vi Thị H1 .”

* Tại bản Kết luận giám định số 94/KL-KTHS (Đ3-KTSĐT) ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Phòng K, Công an tỉnh N kết luận:

“Không xác định được 03 (ba) tệp video có tên “video 1.mp4”, “video 2.mp4” và “video 3.mp4” lưu trữ trong USB nhãn hiệu DTSE9, màu bạc dung lượng 64GB gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh hay không do ba tệp này sử dụng trình quay màn hình của điện thoại để quay lại”.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSKV11 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát khu vực 11- Nghệ An đã truy tố bị cáo về tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự để

xử phạt bị cáo: Đặng Văn T mức án 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 năm về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận được tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự nhân phẩm và tổn thất tinh thần cho cháu Vi Thị H1 số tiền 30.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm, đồng thời bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội cho bị hại: Nhất trí với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như nguyện vọng của bị hại cũng như gia đình của bị hại.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công An tỉnh N, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát khu vực 11- Nghệ An, tỉnh Nghệ An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội đã có lời khai đầy đủ, đã trình bày ý kiến của mình về các vấn đề có liên quan trong vụ án nên sự vắng mặt của bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội tại phiên tòa của không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm công tác xã hội là không vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Thông qua mạng xã hội nên phát sinh tình cảm yêu đương nên từ ngày 22/4/2025 đến tháng 6/2025, tại nhà ở của chị Lương Thị N ở bản H, xã H, tỉnh Nghệ An và nhà của Đặng Văn T ở bản Q, xã T, tỉnh Nghệ An, Đặng Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Vi Thị H1, sinh ngày 02/8/2011 khi cháu H1 mới 14 tuổi 02 tháng 14 ngày. Cả 03 lần T thực hiện hành vi giao cấu, cháu H1 đều tự nguyện không có phản kháng. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện đã cấu thành tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 11- Nghệ An đã truy tố bị cáo Đặng Văn T theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, ảnh hưởng sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại nhằm mục đích thỏa mãn dục vọng thấp hèn của bản thân. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành phạm tội của mình gây ra, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách, pháp luật và các quy định tại địa phương nơi cư trú. Bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và theo hướng dẫn tại Nghị quyết Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sớm trở thành công dân tốt, biết tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại cháu Vi Thị H1, đại diện hợp pháp của bị hại ông Vi Văn H2 đã nhận đầy đủ số tiền bị cáo bồi thường sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: 03 tệp video có tên “video 1.mp4”, “video 2.mp4” và “video 3.mp4” lưu trữ trong USB nhãn hiệu DTSE9, màu bạc dung lượng 64GB do bị hại cháu Vi Thị Hậu cung C là tài liệu, chứng cứ chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T 02 (*Hai*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (*năm*) năm về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 29/6/2026).

Giao bị cáo Đặng Văn T cho UBND xã T, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 29/6/2026. Bị hại, Người đại diện hợp pháp của bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đã được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKSND Khu vực 11-Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11 – Nghệ An;
- UBND xã Tam Quang, Nghệ An
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Cựt Xuân Ninh Lô Thị Huyền M2 Công H3